

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 07-4-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và bà Lê Thị Thái Lan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân –Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Minh Chánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26/02/2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Võ Thị Thanh V, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên - có mặt;

Đại diện theo ủy Quyền về phần tài sản: Lê Thị Minh Thư, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 247 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Theo văn bản ủy Quyền ngày 21/12/2020 - có mặt;

2/ *Bị đơn:* Nguyễn Văn QU, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên - vắng mặt;

3/ *Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 *Ngân hàng thương mại cổ phần Á châu (ACB).* Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy Quyền: Ông Hứa Văn Nguyên – Nhân viên; Theo giấy ủy Quyền ngày 15/3/2021- có mặt.

3.2 *Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;* Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy Quyền: Ông Lê Tùng – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH, tỉnh Phú Yên; Theo Quyết định ngày 01/12/2021 của Giám đốc Chi nhánh - vắng mặt.

3.3 Ủy ban nhân dân xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện ủy QUên: Bà Nguyễn Thị Dân, Công chức địa chính – NN – XD&MT xã; Theo giấy ủy QUên của Chủ tịch UBND xã- vắng mặt.

4/ Người kháng cáo: Người có QUên lợi nghĩa vụ liên quan ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải QUết vụ án, nguyên đơn Võ Thị Thanh V, đại diện theo ủy QUên thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị Thanh V và bị đơn Nguyễn Văn QU tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phong ngày 10/10/2001. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông QU thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm chị V và gia đình chị V. Vì con chung, nên chị V cố gắng hòa giải mâu thuẫn nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai đã ly thân, không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại, nên chị V xin ly hôn với anh QU.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 25/8/2003 và Nguyễn Thị Hằng Ny, sinh ngày 14/11/2008. Ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu anh QU cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/con. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2020.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, gắn liền QUên sử dụng đất ở 250m², tại thửa đất số 952, tờ bản đồ 34-C, địa chỉ thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH theo GCNQSDĐ số BX 239938 cấp ngày 29/8/2014 đứng tên chị V và 01 xe ô tô biển số 78B-002.58. Đề nghị HĐXX xem xét chia giá trị theo tỉ lệ, có xét đến nguồn gốc đất này nguyên gốc là của cha mẹ chị V cho hai vợ chồng, chị V xin nhận hiện vật và chấp nhận thanh toán các khoản nợ; xe giao cho bị đơn; các bên có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho nhau.

Nợ chung:

- + Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh;
- + Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 52.000.000đ. Gồm hai khoản vay: Khoản vay giải QUết việc làm 40.000.000đ; khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường là 12.000.000đ và các khoản lãi phát sinh.

Nợ riêng: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 8.000.000đ và lãi phát sinh về khoản vay nước sạch, vệ sinh môi trường.

Quá trình giải QUết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh QU trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Thống nhất như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung Huy, Ny và cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000đ/tháng/con; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2020, bị đơn chấp nhận.

Về tài sản chung:

- + Căn nhà cấp 4 gắn liền QUên sử dụng đất như nguyên đơn trình bày là

đúng. Bị đơn thông nhất giá trị như định giá. Nguồn gốc đất là của cha mẹ nguyên đơn cho, nên đề nghị HĐXX xem xét. Bị đơn không có khả năng nhận nhà và đất.

+ Xe ô tô biển số 78B-002.58, bị đơn đang sử dụng; bị đơn chấp nhận giá trị như định giá. Bị đơn yêu cầu được nhận xe và chia giá trị chênh lệch.

Về nợ chung: Chúng tôi có nợ ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tiền gốc và lãi phát sinh như nguyên đơn trình bày là đúng. Mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ nêu trên.

Ngoài ra, chúng tôi không còn tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nào khác.

Người có QUYỀN lợi nghĩa vụ liên quan:

+ *Đại diện ngân hàng TMCP Á Châu trình bày:* Vợ chồng anh QU, chị V có ký hợp đồng vay tại Ngân hàng theo hợp đồng cấp tín dụng số 190319 ngày 20/3/2019 số tiền 300.000.000đ. Với mức lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150%/năm; lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. Thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày 15/12/2019. Khi vay vợ chồng anh QU, chị V ký hợp đồng thế chấp QUYỀN sử dụng đất số 190319 ngày 20/3/2019 để đảm bảo khoản vay là QUYỀN sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 952, tờ bản đồ 34-C, địa chỉ thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên đứng tên chị V. Khoản nợ trên đến nay vợ chồng chị V chưa trả. Do đó, đề nghị Tòa án giải QUYẾT buộc anh QU, chị V trả khoản nợ vay cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, nợ gốc là 300.000.000đ, nợ lãi 74.284.657đ. Tài sản thế chấp: Là nhà và đất của nguyên đơn và bị đơn đã trình bày. Nếu anh QU, chị V không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng được QUYỀN yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm QUYỀN phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng đã ký kết để thu hồi nợ theo QUY định pháp luật.

+ *Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày:* Hộ gia đình chị V có vay chương trình giải QUYẾT việc làm theo hợp đồng khế ước ngày 13/7/2019 số tiền 40.000.000đ và chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn ngày 13/6/2020 số tiền 12.000.000đ. Tính đến ngày xét xử, hộ chị V còn nợ gốc 52.000.000đ và lãi phát sinh. Riêng phần chị V nợ riêng 8.000.000đ. Nay vợ chồng chị V ly hôn, đề nghị Tòa án giải QUYẾT buộc vợ chồng anh V có nghĩa vụ trả số nợ chung, riêng và lãi nêu trên cho Ngân hàng.

+ *Đại diện UBND xã HMD trình bày:* Diện tích đất 250m² thổ cư của vợ chồng chị V được Nhà nước cấp cho vợ chồng chị. Việc ai đứng tên trên giấy chứng nhận QUYỀN sử dụng đất thì do gia đình chị V QUYẾT định. Diện tích đất còn lại 227m² còn lại là đất công ích do UBND xã quản lý.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Phú Yên QUYẾT định:

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 228 BLTTDS; Điều 33, 35, 45, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 85 và 118 của LHNGĐ; Điều 463, 468 BLDS; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị QUYẾT số 326/2016/UBNVQH14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Võ Thị Thanh V với bị đơn Nguyễn Văn QU.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn V với bị đơn QU về việc: Giao hai con chung Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 25/8/2003 và Nguyễn Thị Hằng Ny, sinh ngày 14/11/2008 cho nguyên đơn Võ Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn Nguyễn Văn QU có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/con, tính từ tháng 11/2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thuộc một trong các trường hợp theo QU định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn Nguyễn Văn QU có QUên, nghĩa vụ thăm nom hai con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

3.1 Công nhận diện tích đất 250m², đất ONT, thuộc thửa số 952, tờ bản đồ 34-C, gắn liền giới cận: Đông giáp nương nước, Tây giáp thửa đất số 254, Nam giáp thửa đất số 330 và Bắc giáp thửa đất số 253, tại thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên, tại Giấy CNQSDĐ số BX 239938 ngày 29/8/2014 đứng tên chị Võ Thị Thanh V, định giá 850.000.000đ; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và các tài sản gắn liền đất, định giá 431.768.632đ là tài sản chung của nguyên đơn Võ Thị Thanh V và bị đơn Nguyễn Văn QU.

3.2 Công nhận xe ô tô biển số 78B-002.58, định giá là 150.000.000đ, là tài sản chung của nguyên đơn Võ Thị Thanh V và bị đơn Nguyễn Văn QU.

3.3 Giao diện tích đất 250m², loại đất ONT, thuộc thửa đất số 952, tờ bản đồ 34-C, gắn liền giới cận: Đông giáp nương nước, Tây giáp thửa đất số 254, Nam giáp thửa đất số 330 và Bắc giáp thửa đất số 253, tại thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên, tại Giấy CNQSDĐ số BX 239938 ngày 29/8/2014 đứng tên chị Võ Thị Thanh V; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và các tài sản gắn liền đất nêu trên cho nguyên đơn Võ Thị Thanh V trực tiếp sở hữu, quản lý, sử dụng.

3.4 Giao xe ô tô biển số 78B-002.58 cho bị đơn Nguyễn Văn QU được QUên sở hữu.

3.5 Nguyên đơn Võ Thị Thanh V có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung của vợ chồng:

3.5.1 Ngân hàng TMCP Á Châu 374.284.657đ (*Trong đó, nợ gốc 300.000.000đ, nợ lãi 74.284.657đ, tính đến ngày 30/12/2021*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên được nhận tài sản có nghĩa vụ phải trả đủ nợ gốc và lãi phát sinh mà chưa hoặc chậm thanh toán đối với các khoản phải trả thì Ngân hàng có QUên yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QUên sử dụng đất số PHY.BĐCN.294.190319 ngày 20/3/2019 giữa hai bên đã ký để thu hồi nợ gốc và lãi vay theo QU định.

3.5.2 Ngân hàng chính sách chính sách xã hội Việt Nam: 54.997.961đ (*Trong đó, nợ vay gốc 52.000.000đ và nợ vay lãi tính đến ngày xét xử 2.978.961đ*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

4. Cân đối tài sản có và trừ nợ: Cân đối các khoản tiền do nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn và ngược lại (*sau khi đã thanh toán xong các khoản nợ phải trả*) thì nguyên đơn V còn phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho nguyên bị đơn QU 181.243.000đ.

5. Nợ riêng: Buộc nguyên đơn Võ Thị Thanh V phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh huyện TH: 8.577.973đ (*Trong đó, nợ vay gốc 8.000.000đ và nợ vay lãi tính đến ngày xét xử 577.973đ*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (31/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết; đối với khoản tiền nguyên đơn V phải trả cho bị đơn QU thì thực hiện theo Điều 468 BLDS.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu tiền án phí và QUên kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/01/2022 Người có QUên lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) kháng cáo yêu cầu anh Nguyễn Văn QU và chị Võ Thị Thanh V liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu tổng số tiền: 374.284.657đ (Trong đó tiền gốc: 300.000.000đ, tiền lãi 74.284.657đ) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ. Nếu như anh QU và chị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được QUên phát mãi tài sản thế chấp là QUên sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 952, tờ bản đồ 34 –C; địa chỉ thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên thuộc QUên sử dụng, sở hữu của anh QU và chị V để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn: Vắng mặt;
- Đại diện theo ủy QUên của Ngân hàng Á Châu rút nội dung kháng cáo đối với phần tuyên án về tiền lãi phát sinh.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải QUết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo QU định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của người có QUên lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB):

[1] Đối với yêu cầu chị Võ Thị Thanh V và anh Nguyễn Văn QU phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng:

Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị V ký hợp đồng vay tại Ngân hàng theo hợp đồng ngày 20/3/2019 số tiền 300.000.000đ, với mức lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm, thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày 15/12/2019. Khi vay vợ chồng chị V ký hợp đồng thế chấp QUền sử dụng đất ngày 20/3/2019 để đảm bảo khoản vay là QUền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 952, tờ bản đồ 34-C, địa chỉ thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên đứng tên Võ Thị Thanh V. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng chị V nợ gốc là 300.000.000đ, nợ lãi 74.284.657đ.

Tòa sơ thẩm đã công nhận diện tích đất 250m², thuộc thửa số 952, tờ bản đồ 34-C, gắn liền với nhà cấp 4 và các tài sản khác theo Giấy chứng nhận QUền sử dụng đất số BX 239938 ngày 29/8/2014 đứng tên chị Võ Thị Thanh V là tài sản chung của vợ chồng chị V. Giao cho chị V được QUền sở hữu, quản lý, sử dụng nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất, đồng thời chị V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền 374.284.657đ (*Trong đó, nợ gốc 300.000.000đ, nợ lãi 74.284.657đ, tính đến ngày 30/12/2021*). Như vậy, QUền lợi của Ngân hàng TMCP Á Châu được bảo đảm theo đúng hợp đồng thế chấp và QUền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm được QU định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự, nên yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á Châu là không có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu này.

[2] Đối với yêu cầu về tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm: Tại phiên tòa người kháng cáo rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á Châu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các QUết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á Châu không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo QU định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Á Châu;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Phú Yên.

Áp dụng các Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33, 37, 45, 51, 55, 59, 81, 82, 83, 85 và 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 29 Nghị QUết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội QU định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: (*Như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên*)

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Võ Thị Thanh V với bị đơn Nguyễn Văn QU.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 25/8/2003 và Nguyễn Thị Hằng Ny, sinh ngày 14/11/2008 cho nguyên đơn Võ Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn Nguyễn Văn QU có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai chung số tiền 1.000.000đ/tháng/con, tính từ tháng 11/2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thuộc một trong các trường hợp theo QU định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có QUên, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

[3.1] Công nhận diện tích đất 250m², đất ONT, thuộc thửa số 952, tờ bản đồ 34-C, gắn liền giới cận: Đông giáp nương nước, Tây giáp thửa đất số 254, Nam giáp thửa đất số 330 và Bắc giáp thửa đất số 253, tại thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên, tại Giấy chứng nhận QUên sử dụng đất số BX 239938 ngày 29/8/2014 đứng tên chị Võ Thị Thanh V, định giá 850.000.000đ; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và các tài sản gắn liền đất, định giá 431.768.632đ là tài sản chung của nguyên đơn Võ Thị Thanh V và bị đơn Nguyễn Văn QU.

[3.2] Công nhận xe ô tô biển số 78B-002.58, định giá là 150.000.000đ, là tài sản chung của nguyên đơn Võ Thị Thanh V và bị đơn Nguyễn Văn QU.

[3.3] Giao diện tích đất 250m², loại đất ONT, thuộc thửa đất số 952, tờ bản đồ 34-C, gắn liền giới cận: Đông giáp nương nước, Tây giáp thửa đất số 254, Nam giáp thửa đất số 330 và Bắc giáp thửa đất số 253, tại thôn Vạn Lộc, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên, tại Giấy chứng nhận QUên sử dụng đất số BX 239938 ngày 29/8/2014 đứng tên chị Võ Thị Thanh V; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và các tài sản gắn liền đất nêu trên cho nguyên đơn Võ Thị Thanh V trực tiếp sở hữu, quản lý, sử dụng.

[3.4] Giao xe ô tô biển số 78B-002.58 cho bị đơn Nguyễn Văn QU được QUên sở hữu.

[3.5] Buộc nguyên đơn Võ Thị Thanh V phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung của vợ chồng:

3.5.1 Ngân hàng TMCP Á Châu 374.284.657đ (Trong đó, nợ gốc 300.000.000đ, nợ lãi 74.284.657đ, tính đến ngày 30/12/2021) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên được nhận tài sản có nghĩa vụ phải trả đủ nợ gốc và lãi phát sinh mà chưa hoặc chậm thanh toán đối với các khoản phải trả thì Ngân hàng có QUên yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QUên sử dụng đất số PHY.BĐCN.294.190319 ngày 20/3/2019 giữa hai bên đã ký để thu hồi nợ gốc và lãi vay theo QU định.

3.5.2 Ngân hàng chính sách chính sách xã hội Việt Nam: 54.997.961đ (*Trong đó, nợ vay gốc 52.000.000đ và nợ vay lãi tính đến ngày xét xử 2.978.961đ*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

4. Cân đối tài sản có và trừ nợ: Cân đối các khoản tiền do nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn và ngược lại (*sau khi đã thanh toán xong các khoản nợ phải trả*) thì nguyên đơn V còn phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho nguyên bị đơn QU 181.243.000đ.

5. Nợ riêng: Buộc nguyên đơn Võ Thị Thanh V phải trả cho Ngân hàng chính sách chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh huyện TH: 8.577.973đ (*Trong đó, nợ vay gốc 8.000.000đ và nợ vay lãi tính đến ngày xét xử 577.973đ*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (31/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết; đối với khoản tiền nguyên đơn V phải trả cho bị đơn QU thì thực hiện theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về chi phí do đặc, định giá tài sản; Án phí dân sự sơ thẩm: Giải Quyết theo bản án sơ thẩm số: 51/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Phú Yên.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0002184 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Phú Yên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND huyện TH;
- Phòng KTNV
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang